

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
KHOA TOÁN HỌC



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN PHẢN
HỒI VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU
RA VÀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO THẠC SĨ CỦA
NGÀNH TOÁN GIẢI TÍCH**

Mã ngành: 8460102

Năm 2024

MỤC LỤC

Table of Contents

1. TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	3
1.1. Mục đích khảo sát	3
1.2. Phương pháp khảo sát.....	3
Khảo sát trực tuyến thông qua website:	3
https://khaosat.vinhuni.edu.vn/views/sdhphieukhaosat.aspx	3
1.3. Đối tượng khảo sát	3
1.3.1. Số lượng đối tượng khảo sát.....	3
1.3.2. Thông tin đối tượng khảo sát.....	3
2. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KHẢO SÁT.....	6
2.1. Nội dung, kết quả và đánh giá, nhận xét khảo sát giảng viên, nhà khoa học	6
2.1.1. Nội dung, kết quả khảo sát giảng viên, nhà khoa học.....	6
2.1.2. Đánh giá và nhận xét về số liệu khảo sát của giảng viên, nhà khoa học	15
2.2. Nội dung, kết quả và đánh giá, nhận xét khảo sát nhà tuyển dụng.....	17
2.2.1. Nội dung, kết quả khảo sát nhà tuyển dụng	17
2.2.2. Đánh giá và nhận xét về số liệu khảo sát nhà tuyển dụng	20
2.3. Nội dung, kết quả và đánh giá, nhận xét khảo sát cựu học viên	20
2.3.1. Nội dung, kết quả khảo sát cựu học viên	20
2.3.2. Đánh giá và nhận xét về số liệu khảo sát Cựu học viên.....	24
2.4. Nội dung, kết quả và đánh giá, nhận xét khảo sát học viên khóa học	24
2.4.1. Nội dung, kết quả khảo sát Học viên khóa học	24
2.4.2. Đánh giá và nhận xét về số liệu khảo sát học viên khóa học	35
3. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	36
PHỤ LỤC	Error! Bookmark not defined.

1. TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1.1. Mục đích khảo sát

Nhằm thu thập ý kiến của các bên liên quan để thông qua đó cần chỉnh sửa, hoàn chỉnh mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Toán Giải tích tiếp cận CDIO, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và chiến lược của trường Đại học Vinh.

1.2. Phương pháp khảo sát

Khảo sát trực tuyến thông qua website:

<https://khaosat.vinhuni.edu.vn/views/sdhphieukhaosat.aspx>

1.3. Đối tượng khảo sát

1.3.1. Số lượng đối tượng khảo sát

Qua phân tích tình hình thực tế và mục đích khảo sát, bộ phận khảo sát xác định đối tượng khảo sát, số lượng khảo sát như trong Bảng 1.1.

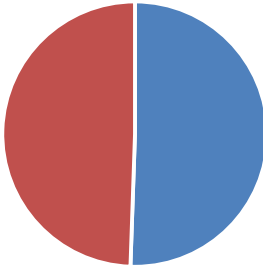
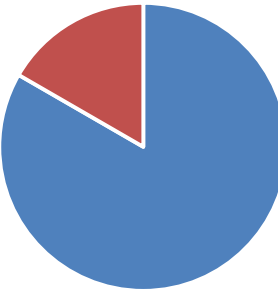
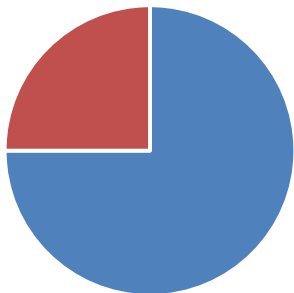
Bảng 1.1. Bảng số lượng đối tượng khảo sát

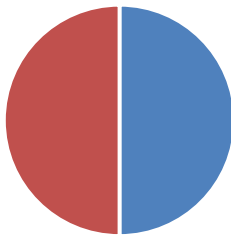
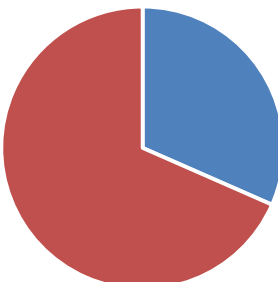
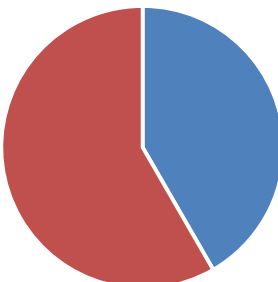
Đối tượng khảo sát								Tổng cộng	
Giảng viên, nhà Khoa học, chuyên gia		Nhà tuyển dụng		Cựu học viên		Học viên khóa học			
Yêu cầu	Đã KS	Yêu cầu	Đã KS	Yêu cầu	Đã KS	Yêu cầu	Đã KS	Yêu cầu	Đã KS
8	18	7	8	10	14	10	13	35	53

1.3.2. Thông tin đối tượng khảo sát

Thông tin về đối tượng và vị trí công tác của đối tượng khảo sát đã được thống kê như Bảng 1.2:

Bảng 1.2. Bảng thông tin đối tượng khảo sát

STT	Đối tượng khảo sát	Thông tin	Số lượng	Tỷ lệ %	Biểu đồ
1	Giảng viên, Nhà Khoa học	Nam	8	44,44	<p>Giảng viên, Nhà Khoa học</p>  <p>■ Nam ■ Nữ</p>
		Nữ	10	55,55	
		Trong Khoa	15	83,33	<p>Giảng viên, Nhà Khoa học</p>  <p>■ Trong Khoa ■ Ngoài Khoa</p>
		Ngoài Khoa	3	16,67	
2	Nhà tuyển dụng	Nam	6	75,00	<p>Nhà tuyển dụng</p>  <p>■ Nam ■ Nữ</p>
		Nữ	2	25,00	
		Lãnh đạo	2	25	

		Sở GD, Phòng GD			<p>Nhà tuyển dụng</p>  <p>■ Lãnh đạo Sở GD, Phòng GD</p> <p>■ BGH các trường phổ thông, GD các trung tâm bồi dưỡng</p>
		BGH các trường phổ thông, GD các trung tâm bồi dưỡng	6	75	
3	Cựu học viên	Nam	9	64,28	<p>Cựu học viên</p>  <p>■ Nam ■ Nữ</p>
		Nữ	5	35,72	
4	Học viên về Khóa học	Nam	9	69,23	<p>Học viên về Khóa học</p>  <p>■ Nam ■ Nữ</p>
		Nữ	4	30,77	

1.4. Các cấp độ đánh giá

Bảng 1.3. Bảng các cấp độ khảo sát

STT	Đối tượng khảo sát	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Mức độ 5
1	Giảng viên	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý một phần	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
2	Nhà tuyển dụng	Rất yếu	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
3	Cựu học viên	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý một phần	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
4	Học viên Khóa học	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý một phần	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý

2. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

2.1. Nội dung, kết quả và đánh giá, nhận xét khảo sát giảng viên, nhà khoa học

2.1.1. Nội dung, kết quả khảo sát giảng viên, nhà khoa học

Tổng số người khảo sát: 23

Cấp độ khảo sát:

(1): Hoàn toàn không đồng ý

(4) : Đồng ý

(2) : Không đồng ý

(5) : Hoàn toàn đồng ý

(3) : Đồng ý một phần

Bảng 2.1: Số liệu khảo sát về đánh giá CTĐT, CDR, hoạt động đào tạo của giảng viên, nhà Khoa học

Nội dung	Hoàn toàn không đồng ý (1)		Không đồng ý (2)		Đồng ý một phần (3)		Đồng ý (4)		Hoàn toàn đồng ý (5)	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
I. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ (viết tắt là CDR)										
1. CDR phản ánh được triết lý giáo dục của Nhà trường	0	0	0	0	1	5,55	3	16,66	14	77,78
2. CDR phản	0	0	0	0	1	5,55	3	16,66	14	77,78

ánh tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường										
3. CĐR bao gồm đầy đủ chuẩn đầu ra chung (generic PLOs) và chuẩn đầu ra chuyên ngành (subject-specific PLOs)	0	0	0	0	2	11,11	3	16,66	13	72,23
4. CĐR rõ ràng và đo lường được	0	0	0	0	2	11,11	2	11,11	14	77,78
5. CĐR phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0	0	0	0	1	5,55	4	22,22	13	72,23
6. CĐR được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0	0	0	0	2	11,11	2	11,11	14	77,78
7. Thầy/cô được phổ biến, góp ý về CĐR	0	0	0	0	1	5,55	5	27,78	12	66,67
II. Bản mô tả Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ										
8. Được phổ biến công khai cho người học và các đối tượng liên quan	0	0	0	0	0	0,00	1	5,55	17	100,00
9. Cung cấp đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0	0	0	0	0	0,00	5	27,78	13	72,22
10. Cung cấp đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng lao động hiểu về năng lực và các kỹ năng khác được trang bị thông qua	0	0	0	0	1	5,55	4	22,23	13	72,22

CTĐT											
III. Cấu trúc và nội dung Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ											
11. Nội dung, cấu trúc CTĐT bao gồm đầy đủ các học phần chung, cơ sở ngành, chuyên ngành, luận văn tốt nghiệp.	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00	
12. Nội dung CTĐT được đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo tính chặt chẽ, hệ thống và cập nhật.	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00	
13. Nội dung CTĐT có tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành hợp lý theo cấu trúc chuẩn đầu ra của CTĐT.	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00	
14. Mỗi học phần có sự đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của CTĐT.	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00	
15. Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của CTĐT là phù hợp	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00	
16. Thời gian đào tạo của CTĐT là phù hợp	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00	
17. Thầy/Cô được tham gia thảo luận, phát triển chương trình đào tạo	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00	

qua các hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp.										
18. Thầy/Cô hiểu rõ các yêu cầu và đã triển khai xây dựng, cập nhật, phổ biến đề cương học phần cho người học.	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
19. Đề cương học phần cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học đạt được CĐR của học phần	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
IV. Phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ										
20. Thầy/Cô được yêu cầu sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và chú trọng việc tổ chức hoạt động học tập theo CĐR	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
21. PPGD đang áp dụng phù hợp với việc đạt được CĐR của học phần và CTĐT	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
22. GV được chủ động lựa chọn PPGD và áp dụng PPGD phù hợp với đặc thù học phần	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
23. Hoạt động dạy và học thúc đẩy khả năng học tập suốt đời của	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00

người học										
24. Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học là phù hợp để đánh giá theo chuẩn đầu ra của CTĐT	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
25. Thầy/cô được phổ biến chiến lược dạy và học của CTĐT	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
V. Hoạt động đào tạo, đảm bảo chất lượng phục vụ CTĐT SDH										
26. Việc triển khai dạy và học thông qua hoạt động, học lý thuyết kết hợp với thực hành, diễn ra thuận lợi trong điều kiện đào tạo thực tế.	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
27. Việc sử dụng công nghệ thông tin (eLearning, các công cụ hỗ trợ) để hỗ trợ dạy học ở đơn vị thuận lợi và được đáp ứng đầy đủ.	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
28. Hoạt động dạy và học diễn ra đúng kế hoạch.	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
29. Hoạt động dạy và học được người học phản hồi, đánh giá thường xuyên	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
30. Thầy/Cô nhận được và	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00

có xem xét những kết quả đánh giá của người học về hoạt động dạy và học của mình.										
31. Thầy/Cô có phản hồi, đánh giá về hoạt động đào tạo và chất lượng phục vụ dạy học của Trường/Đơn vị thông qua các hình thức khác nhau	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
32. Ý kiến phản hồi của Thầy/Cô về hoạt động giảng dạy và chất lượng phục vụ dạy học, cơ sở vật chất được Trường/Đơn vị liên quan tiếp thu và giải quyết nhanh chóng.	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
33. Thầy/Cô được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia đánh giá các học phần, hướng dẫn người học thực hiện nghiên cứu và bảo vệ luận văn tốt nghiệp.	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
VI. Đánh giá về người học và chính sách liên quan										
34. Người học có đủ năng lực	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00

ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu học tập										
35. Người học có đủ năng lực kiến thức để tiếp thu nội dung học tập	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
36. Người học tích cực và chủ động trong hoạt động học, làm việc nhóm, giải quyết các yêu cầu mà giảng viên đưa ra	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
37. Người học có nhiều cơ hội về học bổng và giao lưu học thuật.	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
38. Hoạt động của chủ nhiệm chuyên ngành là hiệu quả và thiết thực đối với người học.	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
39. Chính sách tuyển sinh của Trường/Đơn vị là phù hợp để đảm bảo chất lượng đầu vào đáp ứng yêu cầu đào tạo	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
40. Chất lượng người học tốt nghiệp năm sau tốt hơn năm trước	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	18	100,00
41. Người học nhìn chung có ưu điểm về các kỹ năng sau đây:										
41.1. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,56
41.2. Kỹ năng sử dụng tin học	0	0	0	0	3	16,66	4	22,22	11	61,12

41.3. Kỹ năng giao tiếp thuyết trình	0	0	0	0	2	11,11	4	22,22	12	66,67
41.4. Kỹ năng lập kế hoạch, giải quyết vấn đề	0	0	0	0	2	11,11	4	22,22	12	66,67
41.5. Kỹ năng làm việc theo nhóm	0	0	0	0	2	11,11	4	22,22	12	66,67
41.6. Kỹ năng làm việc độc lập, tự nghiên cứu	0	0	0	0	2	11,11	4	22,22	12	66,67
41.7. Kỹ năng viết báo cáo	0	0	0	0	2	11,11	4	22,22	12	66,67
41.8. Kỹ năng thu thập, xử lý, đánh giá thông tin	0	0	0	0	2	11,11	4	22,22	12	66,67
41.9. Kỹ năng tư duy phản biện	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55
41.10. Kỹ năng lãnh đạo	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55
VII. Đánh giá cán bộ phục vụ, cơ sở vật chất										
42. Thầy/Cô luôn được hỗ trợ nhiệt tình và hiệu quả từ cán bộ phục vụ (văn thư, giáo vụ, thư viện,..) của Khoa/Chương trình.	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55
43. Thầy/Cô luôn được hỗ trợ nhiệt tình và hiệu quả từ cán bộ phụ trách cơ sở vật chất (giảng đường, phòng học, phòng máy, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị dạy học,...)	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55
44. Thầy/Cô được cung cấp	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55

đầy đủ phòng học, phòng thí nghiệm/thực hành, phòng tư vấn người học ngoài giờ.										
45. Điều kiện phòng học/phòng thí nghiệm, trang thiết bị dạy học (máy tính, máy chiếu, dụng cụ thí nghiệm, hóa chất,...) luôn trong tình trạng tốt, đáp ứng việc giảng dạy.	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55
46. Thư viện Trường có đầy đủ và cập nhật về tài liệu chuyên môn phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55
47. Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo thuận tiện, hợp lý, chính xác.	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55
48. Các quy định phúc khảo, chấm bài thi, quản lý bài thi hợp lý.	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55
49. Thầy/Cô hài lòng về chất lượng phục vụ của các đơn vị, thành phần sau đây:										
49.1. Phòng Hành chính tổng hợp	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55
49.2. Phòng Đào tạo Sau đại học	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55
49.3. Phòng Công tác chính trị, học sinh - sinh viên	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55
49.4. Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55

49.5. Trung tâm Đảm bảo chất lượng	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55
49.6. Phòng Kế hoạch - Tài chính	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55
49.7. Phòng Quản trị và Đầu tư	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55
49.8. Phòng Thanh tra - Pháp chế	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55
49.9. Trạm y tế trường	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55
49.10. Trung tâm Thông tin, thư viện Nguyễn Thúc Hào	0	0	0	0	4	22,22	4	22,22	10	55,55
49.11. Tổ bảo vệ, nhà xe cán bộ	0	0	0	0	2	11,11	4	22,22	12	66,67
49.12. Trợ giảng, cán bộ phục vụ/phụ trách phòng thí nghiệm thực hành	0	0	0	0	2	11,11	4	22,22	12	66,67

50. Xin thầy/cô cho ý kiến về nội dung cần cải tiến, sửa đổi của CTĐT (CĐR, cấu trúc, nội dung CTĐT, cơ sở vật chất, hỗ trợ, ...)

Không có ý kiến góp ý nào.

2.1.2. Đánh giá và nhận xét về số liệu khảo sát của giảng viên, nhà khoa học

Nhận xét:

- *CĐR của CTĐT thạc sĩ ngành Toán Giải tích:*

+ Hơn 94% giảng viên, nhà khoa học đồng ý với các nội dung CĐR của CTĐT đã phát biểu.

+ Không có giảng viên, nhà khoa học nào chọn “không đồng ý” hoặc “hoàn toàn không đồng ý” các nội dung CĐR của CTĐT đã phát biểu.

- *Bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Toán Giải tích:*

+ Hơn 90% giảng viên, nhà khoa học đồng ý trở lên về tính công khai, cung cấp đủ thông tin của bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ cho người học, nhà tuyển dụng.

+ Không có giảng viên, nhà khoa học nào chọn “không đồng ý” hoặc “hoàn toàn không đồng ý”.

+ Dưới 5% số giảng viên và nhà khoa học chọn đồng ý một phần về tính công khai, cung cấp đủ thông tin của bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ cho người học, nhà tuyển dụng.

- *Cấu trúc và nội dung Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Toán Giải tích:*

+ Hơn 90% giảng viên, nhà khoa học đồng ý trở lên về cấu trúc và CTĐT thạc sĩ ngành Toán Giải tích.

+ Dưới 10% số giảng viên và nhà khoa học đồng ý một phần về cấu trúc và CTĐT thạc sĩ ngành Toán Giải tích.

+ Không có giảng viên, nhà khoa học nào chọn “không đồng ý” hoặc “hoàn toàn không đồng ý”.

- *Phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Toán Giải tích:*

+ Hơn 90% giảng viên, nhà khoa học đồng ý trở lên về phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Toán Giải tích.

+ Dưới 10% số giảng viên và nhà khoa học đồng ý một phần.

+ Không có giảng viên, nhà khoa học nào chọn “không đồng ý” hoặc “hoàn toàn không đồng ý” về phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Toán Giải tích.

- *Hoạt động đào tạo, đảm bảo chất lượng phục vụ CTĐT SDH:*

+ Hầu hết các nội dung trong khảo sát này đều được hơn 94% giảng viên, nhà khoa học đồng ý trở lên; có 2 nội dung: “Hoạt động dạy và học được người học phản hồi, đánh giá thường xuyên” và “Thầy/Cô nhận được và có xem xét những kết quả đánh giá của người học về hoạt động dạy và học của mình” chỉ đạt 87% ý kiến đồng ý

+ Không có giảng viên, nhà khoa học nào chọn “Không đồng ý” hoặc “hoàn toàn không đồng ý” về hoạt động đào tạo, đảm bảo chất lượng phục vụ CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Toán Giải tích.

- *Đánh giá về người học và chính sách liên quan trong hoạt động đào tạo thạc sĩ ngành Toán Giải tích:*

+ Hầu hết hơn 80% giảng viên, nhà khoa học đồng ý trở lên với các nội dung khảo sát về người học và chính sách liên quan, ngoại trừ nội dung về “Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ”, “kỹ năng lãnh đạo” (nội dung số 40, 41.1 và 41.10) chỉ đạt mức trên 80% đồng ý trở lên, có khoảng 15%-20% ý kiến chỉ đồng ý một phần ở những nội dung này.

+ Không có giảng viên, nhà khoa học nào chọn “không đồng ý” hoặc “hoàn toàn không đồng ý” với các đánh giá về người học và chính sách liên quan trong hoạt động đào tạo thạc sĩ ngành Toán Giải tích.

- *Đánh giá cán bộ phục vụ, cơ sở vật chất:*

+ Hầu hết hơn 90% giảng viên, nhà khoa học đồng ý trở lên với các nội dung khảo sát đánh giá cán bộ phục vụ, cơ sở vật chất.

+ Không có giảng viên, nhà khoa học nào chọn “không đồng ý” hoặc “hoàn toàn không đồng ý” với các đánh giá cán bộ phục vụ, cơ sở vật chất.

- *Ý kiến khác về vấn đề cần cải tiến và sửa đổi (tương ứng nội dung số 50): Không có ý kiến.*

Đánh giá:

Tại các nội dung khảo sát: *CDR của CTĐT, bản mô tả CTĐT, cấu trúc và nội dung Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá, đánh giá cán bộ phục vụ, cơ sở vật chất* tỷ lệ các giảng viên, nhà khoa học chọn mức đồng ý trở lên khá cao (từ 95% trở lên). Riêng nội dung đánh giá về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ đáp ứng nhiệm vụ học tập của người học, phần lớn giảng viên không hoàn toàn đồng ý. Điều đó cho thấy rằng cần phải nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo ngoại ngữ cho các học viên cao học ngành Toán Giải tích đáp ứng nhiệm vụ học tập cũng yêu cầu nghề nghiệp.

Trong tất cả các nội dung khảo sát, không có nội dung nào mà giảng viên, nhà khoa học chọn ở mức “không đồng ý” hoặc “hoàn toàn không đồng ý”, tỷ lệ chọn mức “đồng ý một phần” rất ít.

2.2. Nội dung, kết quả và đánh giá, nhận xét khảo sát nhà tuyển dụng

2.2.1. Nội dung, kết quả khảo sát nhà tuyển dụng

Tổng số người khảo sát: 8

Cấp độ khảo sát: (1): Rất yếu (4) : Khá
(2) : Yếu (5) : Tốt
(3) : Trung bình

Bảng 2.2: Số liệu khảo sát về đánh giá CDR của CTĐT của nhà tuyển dụng

Nội dung (CDR)	Rất yếu (1)		Yếu (2)		Trung bình (3)		Khá (4)		Tốt (5)	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
I. Kiến thức, kỹ năng										
1. Kiến thức	0	0	0	0	0	0	2	25,00	6	75,00

chuyên ngành										
2. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	0	0	0	0	2	25,00	3	37,50	3	37,50
3. Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	0	0	0	0	1	12,50	3	37,50	4	50,00
4. Kỹ năng thực hành, sử dụng trang thiết bị hiện đại	0	0	0	0	0	0	2	25,00	6	75,00
5. Kỹ năng xác định mục tiêu công việc	0	0	0	0	0	0	2	25,00	6	75,00
6. Kỹ năng lập kế hoạch, điều phối	0	0	0	0	2	25,00	3	37,50	3	37,50
7. Kỹ năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo	0	0	0	0	0	0	3	37,50	5	62,50
8. Kỹ năng làm việc độc lập, sáng	0	0	0	0	0	0	3	37,50	5	62,50

tạo										
9. Kỹ năng làm việc nhóm	0	0	0	0	1	12,50	2	25,00	5	62,50
10. Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình	0	0	0	0	0	0	3	37,50	5	62,50
11. Kỹ năng lãnh đạo	0	0	0	0	0	0	2	25,00	6	75,00
12. Kỹ năng viết báo cáo	0	0	0	0	2	12,50	3	37,50	3	37,50
13. Kỹ năng thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin	0	0	0	0	0	0	2	25,00	6	75,00

II. Về thái độ

14. Hăng say, nhiệt tình đối với công việc	0	0	0	0	0	0	2	9,52	19	90,48
15. Năng động, sáng tạo trong công việc	0	0	0	0	1	4,76	2	9,52	18	85,72
16. Có tinh thần học hỏi, khắc phục mọi khó khăn để vươn	0	0	0	0	0	0	1	12,50	7	87,50

lên										
17. Có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp	0	0	0	0	0	0	2	25,00	6	75,00

18. Xin quý vị cho biết học viên cao học cần bổ sung kiến thức, kỹ năng gì:

Có 3 người cho ý kiến như sau:

+ Cần thêm kiến thức thực tế, thêm kỹ năng giao tiếp, kỹ năng soạn thảo các phần mềm toán học.

+ Cần bổ sung khả năng ngoại ngữ quản trị và thích ứng với cuộc sống.

+ Cần tăng cường khả năng ngoại ngữ.

19. Xin quý vị cho biết trong thời gian tới cơ quan của quý vị có nhu cầu tuyển dụng thêm học viên cao học của Trường Đại học Vinh hay không?

Có 8 người cho ý kiến cụ thể như sau:

+ Có 7 người cho ý kiến là: Có.

+ Có 1 người cho ý kiến: Không do hiện tại đã đủ nhân lực.

2.2.2. Đánh giá và nhận xét về số liệu khảo sát nhà tuyển dụng

Nhận xét:

- Hầu hết các CĐR về mức độ đáp ứng của học viên cao học đều được đánh giá cấp độ tốt (cấp độ 5), ngoại trừ kỹ năng sử dụng ngoại ngữ.

+ Trong đó nhấn mạnh cần bổ sung thêm kiến thức liên hệ sát hơn cho công việc thực tế, thêm kỹ năng tư duy điểm đích;

+ Về nhu cầu tuyển dụng: Có 7 ý kiến có nhu cầu tuyển dụng học viên cao học chuyên ngành Toán Giải tích, 1 ý kiến không có nhu cầu do đã đủ số lượng trước mắt và lâu dài.

Đánh giá:

Các nhà tuyển dụng được khảo sát cho rằng các CĐR hầu hết đáp ứng từ mức khá trở lên. Tuy nhiên các CĐR của CTĐT chuyên ngành Toán Giải tích đáp ứng chưa thật tốt một số kỹ năng như kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, thiết lập kế hoạch, điều phối, mục tiêu công việc, kỹ năng sử dụng các phần mềm. Vì vậy cần có sự cải tiến nhằm khắc phục các vấn đề này.

2.3. Nội dung, kết quả và đánh giá, nhận xét khảo sát cựu học viên

2.3.1. Nội dung, kết quả khảo sát cựu học viên

Tổng số người khảo sát: 19

Cấp độ khảo sát: (1): Hoàn toàn không đồng ý (4) : Đồng ý
 (2) : Không đồng ý (5) : Hoàn toàn đồng ý
 (3) : Đồng ý một phần

Bảng 2.3: Số liệu khảo sát về đánh giá chương trình đào tạo Thạc sĩ của Nhà trường

Nội dung	Hoàn toàn không đồng ý (1)		Không đồng ý (2)		Đồng ý một phần (3)		Đồng ý (4)		Hoàn toàn đồng ý (5)	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
1. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng.	0	0	0	0	0	0	1	7,15	13	92,85
2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường có chiến lược dạy-học và phương pháp kiểm tra đánh giá hợp lý.	0	0	0	0	0	0	1	7,15	13	92,85
3. Nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường cân đối, hợp lý	0	0	0	0	0	0	1	7,15	13	92,85

4. Số lượng học phần học tập, số lượng tín chỉ của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ là phù hợp	0	0	0	0	0	0	1	7,15	13	92,85
5. Thời gian đào tạo của chương trình là phù hợp	0	0	0	0	0	0	1	7,15	13	92,85
6. Tổ chức thực hiện luận văn tốt nghiệp hợp lý và hiệu quả	0	0	0	0	1	7,15	2	14,30	11	78,95
7. Kiến thức, kỹ năng học được ở trường giúp anh/chị dễ dàng phát triển nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời	0	0	0	0	0	0	1	7,15	13	92,85
8. Kiến thức trong các học phần và luận văn tốt nghiệp giúp anh/chị dễ dàng phát triển nghề nghiệp.	0	0	0	0	1	7,15	2	14,30	11	78,95

9. Năng lực ngoại ngữ được tích lũy tại trường đáp ứng yêu cầu công việc của anh/chị	0	0	0	0	0	0	1	7,15	13	92,85
10. Các kỹ năng mềm (làm việc nhóm, giao tiếp-thuyết trình, tư duy phản biện, nghiên cứu khoa học,...) được đào tạo tại trường đáp ứng yêu cầu công việc của anh/chị	0	0	0	0	0	0	1	7,15	13	92,85
11. Anh/chị hài lòng với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường mà anh/chị đã học	0	0	0	0	0	0	1	7,15	13	92,85

Các thông tin bổ sung đã được khảo sát:

12. Anh/chị đánh giá mức độ đáp ứng (đạt/chưa đạt) các chuẩn đầu ra sau đây của chương trình đào tạo khi so sánh với yêu cầu của công việc?

- Không có ý kiến.

13. Theo anh/chị, nội dung chương trình đào tạo của chuyên ngành mà anh/chị đã học cần được cải tiến, bổ sung ở các phần nào sau đây (cấu trúc, kiến thức, kỹ năng, phương pháp kiểm tra, đánh giá, ...)

- Không có ý kiến.

14. Sau khi tốt nghiệp trình độ thạc sĩ anh/chị có thay đổi vị trí việc làm không?

- 10 người (71,42%) chọn phương án: Có

- 4 người (28,58%) chọn phương án: Không

15. Từ khi tốt nghiệp trình độ thạc sĩ anh/chị có thăng tiến trong công việc không?

- 10 người (71,42%) chọn phương án: Có

- 4 người (28,58%) chọn phương án: Không

2.3.2. Đánh giá và nhận xét về số liệu khảo sát Cựu học viên

Nhận xét:

- 100% cựu học viên chọn mức “đồng ý trở lên” với các ý kiến được hỏi về CTĐT thạc sĩ.

Đánh giá:

Tất cả các cựu học viên được khảo sát đã đồng ý trở lên về sự hợp lý, rõ ràng, hiệu quả, phù hợp đáp ứng nghề nghiệp của CTĐT thạc sĩ ngành Toán Giải tích.

Thông qua các ý kiến bổ sung ở câu khảo sát số 13 và các kết quả chưa hoàn toàn đồng ý ở câu khảo sát số 1-11 cho thấy CTĐT thạc sĩ ngành Toán Giải tích cần cải tiến theo hướng tăng cường các kỹ năng thực hành, thực tế.

2.4. Nội dung, kết quả và đánh giá, nhận xét khảo sát học viên khóa học

2.4.1. Nội dung, kết quả khảo sát Học viên khóa học

Tổng số người khảo sát: 13

* Cấp độ khảo sát CTĐT:

(1): Hoàn toàn không đồng ý (4) : Đồng ý

(2) : Không đồng ý (5) : Hoàn toàn đồng ý

(3) : Đồng ý một phần

* Cấp độ khảo sát CDR: (1): Đạt

(2) : Không đạt

* Cấp độ khảo sát đánh giá hoạt động đào tạo:

(1): Hoàn toàn không đồng ý (4) : Đồng ý

có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành										
5. Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của chương trình là phù hợp	0	0	0	0	0	0	0	0	13	100,00
6. Thời gian đào tạo của chương trình là phù hợp	0	0	0	0	0	0	1	7,69	12	92,31
7. Tổ chức thực hiện luận văn tốt nghiệp hợp lý và hiệu quả	0	0	0	0	0	0	2	15,38	11	84,61
8. Anh/chị hài lòng với chương trình đào tạo mà anh/chị đã học	0	0	0	0	0	0	1	7,69	12	92,31
9. Anh/chị đánh giá mức độ bản thân đạt được các chuẩn đầu ra sau đây của chương trình khi hoàn thành khóa học:										
Chuẩn đầu ra theo định hướng ứng dụng	Đạt					Không đạt				
	Số người		Tỷ lệ %			Số người		Tỷ lệ %		
1. Kiến thức ngành và chuyên ngành										
PLO1.1. Vận dụng sáng tạo các kiến thức nền tảng của Toán học hiện đại và một số lĩnh vực liên quan trong giảng dạy, ứng dụng Toán Giải tích phù hợp với thực tiễn hoạt động chuyên môn.	13		100			0		0		
PLO1.2. Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu, cập nhật, tiên tiến về lĩnh vực Toán Giải tích để ứng dụng vào giảng dạy và thực tiễn hoạt động chuyên môn.	13		100			0		0		
2. Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp										
PLO2.1. Thành thạo kỹ năng khai thác ứng dụng Toán Giải tích và một số lĩnh vực khác của toán học trong giảng dạy	13		100			0		0		

và các hoạt động chuyên môn.n				
PLO2.2. Hoàn thiện thế giới quan duy vật biện chứng, đạo đức khoa học, khả năng dẫn dắt chuyên môn, nhận định, đánh giá và quyết định phương hướng thực hiện nhiệm vụ được giao.	13	100	0	0
3. Kỹ năng giao tiếp và hợp tác				
PLO3.1. Thành thạo kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy học toán; Sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành Toán; Đạt trình độ tiếng Anh bậc 4/6	13	100	0	0
PLO3.2. Thành thạo kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trong hoạt động giảng dạy, ứng dụng Toán Giải tích và một số lĩnh vực khác của toán học.	13	100	0	0
4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường				
PLO4.1. Hình thành ý tưởng, thiết kế các hoạt động dạy học và nghiên cứu ứng dụng Toán Giải tích trên cơ sở áp dụng các kiến thức, kỹ năng và phương pháp nghiên cứu trong Đại số và lý thuyết số.	13	100	0	0
PLO4.2. Triển khai và vận hành các hoạt động dạy học và nghiên cứu ứng dụng Toán Giải tích trên cơ sở áp dụng các kiến thức, kỹ năng và phương pháp nghiên cứu trong đại số và lý thuyết số	13	100	0	0
Chuẩn đầu ra theo định hướng nghiên cứu	Đạt		Không đạt	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
1. Kiến thức ngành và chuyên ngành				
PLO1.1. Vận dụng sáng tạo các kiến thức nền tảng của Toán học hiện đại và một số lĩnh vực liên quan trong	13	100	0	0

<p> nghiên cứu, giảng dạy Toán Giải tích phù hợp với thực tiễn hoạt động chuyên môn.</p>				
<p>PLO1.2. Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu, cập nhật, tiên tiến về lĩnh vực Toán Giải tích để triển khai các hoạt động nghiên cứu và giảng dạy phù hợp với thực tiễn hoạt động chuyên môn đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế.</p>	13	100	0	0
<p>2. Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp</p>				
<p>PLO2.1. Thành thạo kỹ năng nghiên cứu khoa học trong Toán Giải tích và một số lĩnh vực khác của toán học.</p>	13	100	0	0
<p>PLO2.2. Hoàn thiện thế giới quan duy vật biện chứng, đạo đức khoa học, khả năng dẫn dắt chuyên môn, nhận định, đánh giá và quyết định phương hướng thực hiện nhiệm vụ được giao.</p>	13	100	0	0
<p>3. Kỹ năng giao tiếp và hợp tác</p>				
<p>PLO3.1. Thành thạo kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy toán; Sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành Toán; Đạt trình độ tiếng Anh bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p>	13	100	0	0
<p>PLO3.2. Thành thạo kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trong hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy Toán Giải tích và một số lĩnh vực khác của toán học.</p>	13	100	0	0
<p>4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường</p>				
<p>PLO4.1. Hình thành ý tưởng, thiết kế các hoạt động nghiên cứu khoa học trên cơ sở áp</p>	13	100	0	0

dụng các kiến thức, kỹ năng và phương pháp nghiên cứu trong Toán Giải tích				
PLO4.2. Triển khai và vận hành các hoạt động nghiên cứu khoa học trên cơ sở áp dụng các kiến thức, kỹ năng và phương pháp nghiên cứu trong Đại số và lý thuyết số	13	100	0	0

10. Anh/chị cho biết các nội dung chương trình đào tạo của ngành mà anh/chị đã học cần được cải tiến ở các phần nào sau đây (môn học cơ sở ngành, chuyên ngành, luận văn, thi, kiểm tra,...):
 - Không có ý kiến.

II. Đánh giá hoạt động đào tạo

Nội dung	Hoàn toàn không đồng ý (1)		Không đồng ý (2)		Đồng ý một phần (3)		Đồng ý (4)		Hoàn toàn đồng ý (5)	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
11. Đội ngũ giảng viên sử dụng nhiều phương pháp dạy học để nâng cao hiệu quả giảng dạy	0	0	0	0	0	0	0	0	13	100
12. Đội ngũ giảng viên đảm bảo giờ lên lớp và thực hiện nghiêm túc kế hoạch giảng dạy	0	0	0	0	0	0	0	0	13	100
13. Đội ngũ giảng viên luôn kết hợp lý thuyết với thực hành, ứng dụng	0	0	0	0	0	0	0	0	13	100
14. Đội ngũ giảng viên luôn cập nhật, đổi mới	0	0	0	0	0	0	0	0	13	100

cứ khoa học										
21. Tất cả các học phần đều có đủ giáo trình chính và tài liệu tham khảo tại thư viện trường và khoa	0	0	0	0	0	0	0	0	13	100
22. Cán bộ phục vụ của Khoa nhiệt tình, thân thiện và sẵn sàng giúp đỡ học viên	0	0	0	0	0	0	0	0	13	100
23. Học viên nhận được sự hỗ trợ hiệu quả, thiết thực từ chủ nhiệm chuyên ngành, giảng viên phụ trách sau đại học của khoa	0	0	0	0	0	0	0	0	13	100
24. Học viên nhận được sự hỗ trợ hiệu quả, thiết thực từ chuyên viên của phòng đào tạo sau đại học của Trường	0	0	0	0	0	0	0	0	13	100
25. Trong thời gian học tập tại trường anh/chị đã tích lũy được các kỹ năng nào sau đây:										
Kỹ năng	Có				Không					
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %						
Tư duy sáng tạo	13	100	0	0						
Làm việc độc lập	13	100	0	0						
Làm việc theo nhóm	13	100	0	0						
Giao tiếp, thuyết trình	13	100	0	0						

35. Trang thiết bị trong phòng học, phòng thực hành/thí nghiệm có đầy đủ, hoạt động tốt và hiệu quả	0	0	0	0	0	0	0	0	13	100
36. Các đơn vị chức năng trong trường giải quyết các thắc mắc của học viên hiệu quả, kịp thời, nhanh chóng.	0	0	0	0	0	0	0	0	13	100
37. Cán bộ quản lý và nhân viên đơn vị chức năng có thái độ phục vụ nhiệt tình, thân thiện	0	0	0	0	0	0	0	0	13	100
38. Môi trường sinh hoạt trong và xung quanh khuôn viên trường là an toàn, thân thiện, sạch sẽ, văn minh	0	0	0	0	0	0	0	0	13	100

39. Anh/Chị đánh giá sự hài lòng của mình về chất lượng phục vụ của các đơn vị sau đây:

Đơn vị	Chưa tiếp xúc hoặc không có ý kiến (1)		Không hài lòng (2)		Hài lòng (3)	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Phòng Hành chính tổng hợp	0	0	1	7,69	12	92,31
Phòng Đào tạo Sau đại học	0	0	0	0	13	100

Phòng Công tác chính trị HS- SV	0	0	0	0	13	100
Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế	0	0	0	0	13	100
Trung tâm đảm bảo chất lượng	0	0	0	0	13	100
Phòng Kế hoạch - Tài chính	0	0	0	0	13	100
Phòng Quản trị và đầu tư	0	0	0	0	13	100
Phòng Thanh tra – Pháp chế	0	0	0	0	13	100
Đoàn Thanh Niên	0	0	0	0	13	100
Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp	0	0	0	0	13	100
Trạm Y tế trường	0	0	0	0	13	100
Trung tâm thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào	0	0	0	0	13	100
Ký túc xá	0	0	0	0	13	100
Tổ bảo vệ, nhà xe học viên	0	0	0	0	13	100
Văn phòng Khoa/Viện/Trường	0	0	0	0	13	100

2.4.2. Đánh giá và nhận xét về số liệu khảo sát học viên khóa học

Nhận xét:

- Về CDR của Ngành Toán Giải tích: với 2 cấp độ đánh giá “đạt” hay “không đạt” thì ở tất cả các nội dung khảo sát, tại cả 2 định hướng nghiên cứu và ứng dụng, thì đều có 100 % chọn mức đạt.
- Về đánh giá hoạt động đào tạo: Hầu hết các học viên đã chọn mức “đồng ý” hoặc “hoàn toàn đồng ý” với tỷ lệ 100%. Không có học viên chọn các mức đánh giá thấp hơn.
- Về hệ thống phục vụ đào tạo của trường: Hầu hết các học viên khảo sát đều chọn mức “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý: với tỷ lệ 100%.
- Tại nội dung khảo sát về sự hài lòng chất lượng phục vụ của các đơn vị, tỷ lệ chọn mức hài lòng cao cơ bản đạt 100%, riêng có 2 đơn vị chưa được đánh giá cao là: Phòng Hành chính tổng hợp; Phòng Công tác học sinh, sinh viên.

Đánh giá:

Các kết quả khảo sát đối với học viên khóa học về CTĐT chung và CDR cho thấy tỷ lệ đồng ý với nội dung khảo sát chiếm tỷ lệ cao.

3. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến khảo sát của các bên liên quan bao gồm 4 nhóm đối tượng: Giảng viên, Nhà tuyển dụng, Cựu học viên, Học viên về khóa học, ngành Toán Giải tích thống nhất một số nội dung điều chỉnh như sau:

3.1. Về chương trình đào tạo chung và chuẩn đầu ra

- Chuẩn đầu ra cần phát biểu rõ ràng, cụ thể để đo lường đánh giá được.
- Đề xuất với nhà trường cần có giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo ngoại ngữ cho các học viên cao học ngành Toán Giải tích đáp ứng nhiệm vụ học tập cũng yêu cầu nghề nghiệp. Các học phần của ngành phụ trách được phân nhiệm CĐR ngoại ngữ cần có các kế hoạch, phương pháp, dạy học kiểm tra đánh giá cụ thể hiệu quả nhằm nâng cao kỹ năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành.
- Cần xem xét tăng cường một số kỹ năng cho học viên cao học Ngành Toán Giải tích như: kỹ năng lãnh đạo, thiết lập kế hoạch, điều phối, mục tiêu công việc, thực hành, thực tế; muốn như vậy cần nâng cao chất lượng các hoạt động thực hiện đồ án tại các học phần triển khai theo hình thức dạy học đồ án, thực tập, luận văn.

3.2. Về các hoạt động hỗ trợ đào tạo của Nhà trường

- Cần tạo thuận lợi hơn cho người học trong công tác tổ chức quá trình đào tạo: Bố trí thời gian học, thi phù hợp.
- Cải tiến và hoàn thiện trang web và hệ thống thông tin của trường cần đáp ứng nhu cầu và dễ dàng truy cập, tìm kiếm.
- Nâng cao chất lượng phục vụ của các đơn vị trong nhà trường đặc biệt các đơn vị thường xuyên liên quan trực tiếp với học viên cao học.

Nghệ An, ngày 15 tháng 12 năm 2024

Chủ nhiệm đề tài

Nguyễn Văn Đức

CÁC LOẠI PHIẾU KHẢO SÁT

